

**Phải chăng do tiến trình tiến hóa của thần học mà sinh ra mâu thuẫn?
(LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁO KHÁT CHÂN LÝ)**

Giáo dân được dạy rằng Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian. Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một, không thể có cảnh loài người tự ý suy diễn dẫn đến tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Thần học mà dựa vào suy diễn của từng thế hệ loài người thì đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?

BÀN LUẬN

A. Nhập Đề:

Cách viết lời bàn của ‘người giáo dân khao khát chân lý’ này chưa phân biệt rõ ràng giữa chữ ‘thần học’ do các nhà khoa học Thánh Kinh dùng để chỉ các giả thuyết hình thành nên Thánh Kinh, và bộ môn thần học của nhân loại.

Do đó, lời bàn này có thể sửa lại một chút cho dễ hiểu:

Do tiến trình tiến hóa của thần học trong Thánh Kinh mà sinh ra mâu thuẫn.

Giáo dân được dạy rằng Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian. Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một, không thể có cảnh loài người tự ý suy diễn dẫn đến tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Tiến trình thần học *trong Thánh Kinh* mà dựa vào suy diễn của từng thế hệ loài người thì đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?

Xin giải thích thêm một chút:

a. Các nhà nghiên cứu Thánh Kinh theo góc độ khoa học cho rằng có nhiều trường phái thần học phát triển khác nhau trong Thánh Kinh. Chữ ‘thần học’ này được dùng một cách hạn hẹp theo nghĩa khoa học.

Ví dụ AI giải thích về các ‘trường phái thần học’ trong Cựu Ước:

Thần học Cựu Ước không đồng nhất mà bao gồm nhiều truyền thống và trường phái tư tưởng khác nhau, phản ánh lịch sử giao ước phức tạp. Các trường phái chính bao gồm:

Trường phái Thần học Lịch sử (Giao ước): Tập trung vào lịch sử cứu độ, các giao ước (với Abraham, Moses, David), và sự trung tín của Thiên Chúa đối với Israel. Trọng tâm là câu chuyện dân Chúa và lời hứa.

Trường phái Thần học Tiên tri: Nhấn mạnh sự công chính, luân lý, và sự kêu gọi quay về với Thiên Chúa. Các tiên tri cảnh báo về sự phẫn nộ và kêu gọi dân chúng tuân giữ giao ước.

Trường phái Thần học Tự tế (Sách Luật/Sử biên niên): Nhấn mạnh sự thánh thiêng, đền thờ, các nghi lễ tế tự, và sự tuân giữ luật lệ (Torah) để duy trì mối quan hệ với Thiên Chúa.

Trường phái Thần học Khôn ngoan (Sách Khôn ngoan): Tập trung vào ý nghĩa cuộc sống, nỗi khổ đau, và sự khôn ngoan của Thiên Chúa (Sách Gióp, Châm ngôn, Giảng viên).

Các trường phái này cùng tạo nên một bức tranh phong phú về mặc khải của Thiên Chúa trong Cựu Ước.

Hoặc ‘tính thần học’ khi nói về hai bản gia phả trong Phúc Âm:

*Gia phả trong Phúc Âm Ma-thi-ơ (Mt 1:1–17) bắt đầu từ Áp-ra-ham và đi xuống đến Đức Giê-su, nhấn mạnh Ngài thuộc dòng vua Đa-vít qua Sa-lô-môn. Ma-thi-ơ viết cho người Do Thái nên muốn chứng minh Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a hợp pháp, người thừa kế ngai vàng Đa-vít. Danh sách được sắp xếp thành ba nhóm mười bốn đời, mang **tính thần học** và biểu tượng hơn là ghi chép lịch sử thuần túy.*

Gia phả trong Phúc Âm Lu-ca (Lc 3:23–38) đi theo hướng ngược lại, từ Đức Giê-su lên đến A-đam và cuối cùng đến Thiên Chúa, cho thấy Đức Giê-su thuộc về toàn thể nhân loại. Lu-ca dẫn dòng Đa-vít qua Na-than thay vì Sa-lô-môn, nên danh sách khác với Ma-thi-ơ. Nhiều người giải thích rằng Ma-thi-ơ trình bày dòng pháp lý qua Giô-sép, còn Lu-ca phản ánh dòng huyết thống (có thể liên hệ đến Đức Maria), nhằm nhấn mạnh Đức Giê-su vừa là Vua Mê-si-a vừa là Đấng cứu độ mọi người.

Chữ ‘thần học’ này chỉ được các nhà khoa học dùng trong thời gian Kinh Thánh được hình thành, trong tổng khoảng thời gian khoảng 1.500 năm. Quá trình bắt đầu với Cựu Ước (khởi đầu khoảng 1400–1500 BC) và kết thúc với sách cuối cùng của Tân Ước là Khải Huyền, vào khoảng 95–100 AD. Nghĩa là chữ ‘thần học’ này được sử dụng theo nghĩa rất hạn hẹp trong bối cảnh Thánh Kinh, và trong thời gian rất khác biệt so với lịch sử phát triển môn thần học của loài người.

Xem: https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_theology

Nếu hỏi các nhà nghiên cứu Thánh Kinh về chữ ‘thần học’ này thì họ sẽ không có định nghĩa chính xác. Nó chỉ là giả thuyết mà họ dùng để mô tả những khác biệt trong Thánh Kinh (ví dụ sách Sáng Thế và sách Khôn Ngoan, hai bản gia phả, v.v...)

Nếu hỏi thêm rằng ‘trường phái thần học’ hay ‘tính thần học’ đó bắt đầu khi nào, và kết thúc khi nào, do ai khởi xướng, ai chủ đạo, phát triển thế nào, v.v... thì cũng không có câu trả lời rõ ràng.

Nếu hỏi thêm rằng ‘tính thần học’ đó nằm trong Thánh Kinh, hay đã tạo nên Thánh Kinh. Vậy tính thần học trong bài thuyết trình của thần học gia A đang dạy tại đại học X ở nước Z có nằm trong Thánh Kinh, hay sẽ tạo nên Thánh Kinh không, thì sẽ khó lòng có câu trả lời.

Vì vậy, câu ‘tiến trình thần học’ chỉ là một giả thuyết được các nhà khoa học dùng để mô tả tiến trình hình thành nên các bản văn Thánh Kinh với nhiều cách giải thích, hoặc không có câu trả lời.

https://en.wikipedia.org/wiki/Historicity_of_the_Bible

b. Môn thần học là một môn học rất rộng, bao gồm nhiều chuyên ngành: thần học tín lý, thần học mục vụ, ... và mới đây là thần học về thân xác của thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II (https://en.wikipedia.org/wiki/Theology_of_the_Body)

https://en.wikipedia.org/wiki/Outline_of_Christian_theology

https://en.wikipedia.org/wiki/Catholic_theology

Tất nhiên, ngoài Kitô giáo ra thì các tôn giáo khác cũng có môn thần học của họ.

<https://www.jewishencyclopedia.com/articles/14362-theology>

https://en.wikipedia.org/wiki/Schools_of_Islamic_theology

<https://hinduonline.co/HinduReligion/HinduTheology.html>

V.v...

B. Bàn luận ngắn:

Phần này sẽ chỉ chú trọng đến câu hỏi của ‘người giáo dân khao khát chân lý’, vì người này đã có sẵn câu trả lời trong phần trình bày của mình: **Hãy đặt hết niềm tin vào ‘Lời Ngài là lời hằng sống’ và thực hành để được cứu độ.**

Thông thường chúng ta phải thông qua các nhân chứng, phương tiện, v.v... để được tiếp xúc với Lời Chúa. Tất nhiên, chúng ta sẽ tôn trọng những người hay phương tiện ấy ở một mức độ nào đó.

Tuy nhiên, nếu muốn hỏi thêm rằng ‘những người hay phương tiện ấy có đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?’ thì đương nhiên câu trả lời là **KHÔNG**.

Có lẽ đến đây thì mọi người thấy câu trả lời quá đơn giản, gần như ai cũng có thể phân biệt được ‘phương tiện’ với ‘cứu cánh’ một cách dễ dàng.

Thế tại sao ‘người giáo dân khao khát chân lý’ không nhận thấy câu trả lời mà phải hỏi Ban Biên Tập ?

Vấn đề là có nhiều cách nhìn (quan niệm) về thế giới (vũ trụ) nên chúng ta dễ bị rối trí. Nhiều nhà khoa học đã cố gắng hệ thống hóa cách nhìn để giúp mọi người hiểu vấn đề bằng các luận thuyết như ‘nhất nguyên luận’ (Monism) của Baruch Spinoza (1632-1677), ‘đa nguyên luận’ (Pluralism), v.v....

Trước 1975, những ai đã học môn triết ở bậc trung học hẳn đều biết câu **‘Je pense, donc je suis (Cogito, ergo sum)’** = (Tôi tư duy, nên tôi tồn tại) của René Descartes (1596-1650). Từ câu này, ông phát triển ‘nhị nguyên luận’ (Dualism), cho rằng thực tại gồm hai loại bản thể hoàn toàn khác nhau: tâm và vật.

https://en.wikipedia.org/wiki/Cogito,_ergo_sum

Đây là luận thuyết Descartes dùng để đơn giản hóa cách nhìn thực tại, nhưng thực tế không phải lúc nào cũng dễ hiểu hay dễ áp dụng trong cuộc sống.

Chẳng hạn như câu: ‘Yêu kẻ thù’ (Mt 5,44). Ai cũng biết là Thánh Kinh không nói yêu những hành vi gian ác của họ, nhưng không dễ để có thể nhìn tách bạch con người

với hành động của họ. Do đó không phải là chuyện dễ dàng để ta có thể đối xử nhân ái với họ theo lời Thánh Kinh (Rm 12,20–21; Xh 23,4-5).

Tương tự, không dễ để phân biệt ‘hồn’ và ‘xác’, và cũng không dễ để hiểu các câu Thánh Kinh như “Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì” (Ga 6, 63), hoặc “chữ thì giết chết, còn Thần Khí mới làm cho sống” (2 Cr 3,6).

Cũng thế, không dễ để phân biệt ‘Lời Chúa’ và ‘bản văn Thánh Kinh’, vì phải làm sao có thể ‘nhìn thấu’ (hoặc ‘nghe thấu’) qua ngôn ngữ và những phương tiện bất toàn của con người để tiếp xúc với ‘Lời Chúa’.

Xin kết luận phần ‘bàn luận ngắn’ bằng câu truyện của Phật Giáo:

Ngón tay chỉ mặt trăng

Ngày xưa, có một vị thiền sư nổi tiếng về trí tuệ. Một hôm, ngài dẫn các đệ tử ra ngoài trời vào một đêm trăng sáng. Mặt trăng tròn vành vạnh, tỏa ánh sáng dịu dàng khắp không gian. Thiền sư giơ tay lên, chỉ vào mặt trăng và nói:

“Các con hãy nhìn kia—đó là mặt trăng.”

Các đệ tử đều nhìn theo hướng ngón tay của thầy. Nhưng thay vì ngắm mặt trăng, họ lại chăm chú nhìn vào chính ngón tay của ngài. Thấy vậy, thiền sư lắc đầu và nói:

“Ta chỉ mặt trăng, nhưng các con lại nhìn ngón tay. Nếu cứ nhìn vào ngón tay, các con sẽ không bao giờ thấy được mặt trăng.”

Một đệ tử thắc mắc:

“Thưa thầy, chẳng phải nếu không có ngón tay của thầy, chúng con cũng không biết nhìn về đâu sao?”

Thiền sư mỉm cười:

“Đúng vậy. Ngón tay là cần thiết để chỉ đường. Nhưng nó không phải là mặt trăng. Khi đã thấy được mặt trăng, các con phải quên ngón tay đi.”

Ý nghĩa

Câu chuyện này nhắc rằng lời dạy, giáo lý hay thần học chỉ là phương tiện, giống như ngón tay chỉ đường. Chúng giúp con người hướng về chân lý, nhưng không phải chính chân lý.

Nếu con người chỉ bám vào chữ nghĩa, công thức hay tranh luận mà quên đi thực tại mà chúng muốn diễn tả, thì sẽ rơi vào tình trạng “nhìn ngón tay mà không thấy mặt trăng”. Ngược lại, khi biết dùng phương tiện đúng cách, con người có thể vượt qua giới hạn của nó để chạm đến điều sâu xa hơn.

C. Bàn luận dài:

Phần bàn luận này tập trung vào một số câu chữ dùng trong 'Lời bàn của giáo dân khao khát chân lý', và khá tổng quát.

1. Giáo dân được dạy rằng

Có lẽ vì không được cập nhập với tình hình Giáo Hội khá lâu nên người 'giáo dân khao khát chân lý' đã dùng kiểu nói 'dạy'. Đa số các động từ dùng để diễn tả khái niệm 'truyền đạt' trong Thánh Kinh và trong các tài liệu của Giáo Hội là chữ 'nói, rao giảng, loan báo, công bố, v.v...'

Động từ 'dạy' được dùng rất ít lần so với các động từ mang ý nghĩa 'truyền đạt' khác. AI thống kê cho biết Cựu Ước chỉ dùng khoảng 1%-2%; Tân Ước khoảng 7%-8%; Giáo Lý Công Giáo (GLCG) gần bằng 0%.

Thứ hai là khi 'dạy' thì Thánh Kinh và các tài liệu của Giáo Hội thường là 'dạy' chung cho tất cả mọi người, kể cả những người không phải là Kitô hữu, chứ không biết có chỗ nào 'dạy riêng cho giáo dân' không.

2. '... Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian.'

a. Trước tiên, Giáo Lý Công Giáo căn bản ít khi nói về những thuộc tính 'cao siêu' của Thiên Chúa, mà thường về những điều gần gũi trong cuộc sống. Xin ví dụ vài sách Giáo Lý:

-Thánh giáo yếu lý quốc ngữ: bằng chữ Nôm do Đức Cha Pigneau de Béhaine – Bá Đa Lộc (1741-1799) viết theo dạng Hỏi-Thưa và được tái bản lần cuối vào năm 1933 tại Kẻ Sở.

9. H. Đức Chúa Trời ra làm sao ?

T. Đức Chúa Trời là Đấng trọn tốt trọn lành, thiêng liêng, sáng láng vô cùng.

10. H. Đức Chúa Trời ở đâu ?

T. Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi.

11. H. Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, làm sao ta xem chẳng thấy ?

T. Vì người là tính thiêng liêng, cho nên con mắt ta xem chẳng thấy.

12. H. Ta chẳng thấy Đức Chúa Trời, mà người có thấy ra chăng ?

T. Người xem thấy tỏ tường; dầu những sự kín nhiệm trong lòng ta, thì Người cũng soi thấu nữa.

13. H. Đức Chúa Trời có tự thưởng nào ?

T. Người là Đấng tự hữu hằng có đời đời.

-Giáo Lý Tân Định: được phổ biến rộng rãi từ năm 1967.

7. Hỏi: Đức Chúa Trời là Đấng nào?

Thưa: Đức Chúa Trời là Đấng tự hữu, thiêng liêng, hằng có đời đời, quyền phép, thánh thiện, tốt lành, nhân từ, công bằng và chân thật vô cùng.

-Sách Giáo Lý Công Giáo do Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ban hành năm 1992

Tóm lược các thuộc tính trong các đoạn chính về Thiên Chúa:

- Duy nhất: (200–202)
- Hằng hữu: (212–214)
- Chân lý: (215–217)
- Tình yêu: (218–221)
- Toàn năng: (268–278)
- Tạo hóa & quan phòng: (279–324)
- Thánh thiện, công chính, nhân hậu: (208–211)

Trong phần nói về ‘Hằng hữu’ có nhắc đến thuộc tính ‘không thay đổi’

212 Qua các thế kỷ, đức tin của Israel đã có thể biểu lộ và đào sâu việc nhận ra sự phong phú chứa đựng trong mạc khải về danh Thiên Chúa. Thiên Chúa là Đấng duy nhất; ngoài Ngài không có thần nào khác. Ngài vượt trên thế giới và lịch sử. Ngài đã dựng nên trời đất: “Chúng sẽ tiêu tan, nhưng Ngài vẫn tồn tại; tất cả chúng sẽ hao mòn như áo mặc... còn Ngài vẫn y nguyên, và những năm tháng của Ngài sẽ không cùng.” Trong Thiên Chúa “không có sự thay đổi hay bóng dáng của biến thiên.” Thiên Chúa là “Đấng Hiện Hữu”, từ muôn thuở đến muôn đời, và vì thế Ngài luôn luôn trung tín với chính mình và với các lời hứa của Ngài.

Nhờ AI tra giúp xem các tài liệu của Công Đồng Vatican II có chỗ nào chính thức **‘dạy rằng Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian’** thì cũng chưa thấy. Tuy nhiên AI có cho biết một số Công Đồng có nhắc đến thuộc tính ‘bất biến’ (immutability) của Thiên Chúa.

+Vatican 1 (1869–1870): Trong Hiến Chế *Dei Filius* (Chương 1), có nhắc đến thuộc tính ‘bất biến’. Xem: <https://www.papalencyclicals.net/councils/ecum20.htm>

+ Lateranô 4 (1215): Trong Canon 1 (Tuyên xưng Đức Tin) có nhắc đến thuộc tính ‘bất biến’. Xem: <https://www.papalencyclicals.net/councils/ecum12-2.htm>

Việc điếm qua một số tài liệu từ cổ đến tân, từ căn bản đến cao cấp cho thấy Giáo Hội Công Giáo chưa bao giờ “dạy” giáo dân về thuộc tính này của Thiên Chúa theo đúng nghĩa của chữ *dạy*. Chủ đề này chỉ được nhắc tới trong các bản văn mang tính học thuật hơn. Xem: [https://en.wikipedia.org/wiki/Immutability_\(theology\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Immutability_(theology))

Ví dụ trong *Summa Theologiae* của thánh Thôma Aquinô người ta thường tóm lược thành 8 thuộc tính chính theo thứ tự mà thánh nhân đã bàn tới:

- + Đơn giản (*simplicity*)
- + Hoàn hảo (*perfection*)
- + Thiện hảo (*goodness*)
- + Vô hạn (*infinity*)

- + Hiện diện khắp nơi (*ubiquity / omnipresence*)
- + Bất biến (*immutability*)
- + Vĩnh cửu (*eternity*)
- + Duy nhất (*unity*)

Ngoài ra, thánh Aquinas còn nhấn mạnh rằng theo đơn giản tính thần linh, các thuộc tính này không phải là các phần của Thiên Chúa; Thiên Chúa “là” chính các thuộc tính ấy, và chúng đồng nhất với nhau trong thực tại, chỉ khác nhau trong cách hiểu của trí tuệ con người.

Vì vậy người ta thường nghĩ rằng thánh Aquinas liệt kê 8 thuộc tính chính của Thiên Chúa. Tuy nhiên, theo triết học Thomist nghiêm ngặt thì không có số lượng thật sự, vì mọi “thuộc tính” đều đồng nhất với bản thể Thiên Chúa.

Đây là điểm quan trọng vì khi nói về tính “bất biến” (*immutability*) thì nó không tách rời khỏi đơn giản tính, vĩnh cửu, duy nhất ... mà tất cả là một thực tại duy nhất nơi Thiên Chúa.

Nói cách khác, những điều Giáo Hội công bố cần được hiểu trong toàn bộ tổng thể, chứ không nên tách rời từng yếu tố để phục vụ những mục đích riêng. Hơn nữa, các giáo huấn của Giáo Hội chỉ là phương tiện hướng dẫn con người đến với Thiên Chúa. Vì thế, không nên dừng lại ở chính những diễn đạt của Giáo Hội, mà phải nhắm tới thực tại mà các diễn đạt ấy muốn dẫn đưa tới.

Dĩ nhiên vẫn có ngoại lệ:

-Tại một giáo xứ, dòng tu, chủng viện hay cơ sở nào đó có thể có chương trình đào sâu dành cho một số giáo dân “đặc biệt”. Nhưng nếu giả sử có chương trình như vậy, thì người đã học đầy đủ thường sẽ không đặt lại vấn đề theo cách này. Vì thế, có khả năng là “người giáo dân” nêu câu hỏi chưa được học đến nơi đến chốn trong chương trình chuyên biệt ấy.

-Hoặc là “người giáo dân” học giáo lý hay sách của các giáo hội Tin Lành. Thuộc tính ‘không thay đổi’ của Thiên Chúa thường được họ dạy rất sớm. Ví dụ:

- **Westminster Shorter Catechism** (năm 1648): câu số 4 (trong tổng số 107 câu) đã viết:

Q. What is God?

A. God is a Spirit, infinite, eternal, and unchangeable, in his being, wisdom, power, holiness, justice, goodness, and truth.

Bản dịch của AI:

Hỏi: Đức Chúa Trời là gì?

Đáp: Đức Chúa Trời là Thần Linh, vô hạn, đời đời và không thay đổi trong bản thể, sự khôn ngoan, quyền năng, sự thánh khiết, công chính, nhân lành và chân thật của Ngài.

<https://thewestminsterstandard.org/westminster-shorter-catechism>

- **New City Catechism** (năm 2012): câu số 2 (trong tổng số 52 câu) đã viết:

What is God?

God is the creator and sustainer of everyone and everything. He is eternal, infinite, and unchangeable in his power and perfection, goodness and glory, wisdom, justice, and truth. Nothing happens except through him and by his will.

Bản dịch của AI:

Thiên Chúa là gì?

Thiên Chúa là Đấng tạo dựng và gìn giữ mọi người và mọi vật. Ngài là Đấng đời đời, vô hạn và không thay đổi trong quyền năng và sự trọn hảo, trong sự thiện hảo và vinh quang, trong khôn ngoan, công lý và chân lý. Không có gì xảy ra ngoài Ngài và ngoài ý muốn của Ngài.

Xem <https://www.crossway.org/books/the-new-city-catechism-tpb/>

Việc dạy thuộc tính ‘không thay đổi’ sớm hay muộn không quan trọng, mà quan trọng là những giải thích kèm theo. Nếu học đầy đủ thì sẽ thấy phần giảng giải giáo lý hay sách vở của các giáo hội Tin Lành cũng sẽ nói rằng chỉ có Thiên Chúa là không thay đổi, chứ không phải các sự kiện liên quan đến Ngài không thay đổi.

b.Do đó, việc tách riêng một thuộc tính của Thiên Chúa khỏi bối cảnh đời sống Đức Tin và Giáo Huấn của Giáo Hội, được rào trước đón sau bằng cách nói cổ điển ‘**Giáo dân được dạy**’, có lẽ không xuất phát từ “khao khát chân lý” cứu độ, mà nhằm mở ra một cuộc thảo luận thuần lý thuyết không có hồi kết.

Vì vậy, xin dùng một ví dụ là câu truyện tổ tông loài người sa ngã trong sách Sáng Thế Ký 2,16-17; 3,1-7;16-19 để cho thấy những lỗ hổng trong lời bàn của người ‘giáo dân khao khát chân lý’.

¹⁶ ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn;¹⁷ nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.”

.....

¹ Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đã làm ra. Nó nói với người đàn bà: “Có thật Thiên Chúa bảo: ‘Các ngươi không được ăn hết mọi trái cây trong vườn’ không?”² Người đàn bà nói với con rắn: “Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn.³ Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: ‘Các ngươi không được ăn, không được động tới, kẻo phải chết.’”⁴ Rắn nói với người đàn bà: “Chẳng chết chóc gì đâu!⁵ Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác.”⁶ Người đàn bà thấy trái cây đó: ăn thì phải ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn.⁷ Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khổ che thân.

.....

¹⁵ Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.”

¹⁶ Với người đàn bà, Chúa phán:

“Ta sẽ làm cho người phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; người sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Người sẽ thêm muốn chồng người, và nó sẽ thống trị người.”
17 Với con người, Chúa phán: “Vì người đã nghe lời vợ và ăn trái cây mà Ta đã truyền cho người rằng: ‘Người đừng ăn’, nên đất đai bị nguyên rủa vì người; người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra.
18 Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho người, người sẽ ăn cỏ ngoài đồng.
19 Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra. Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.”

Phần này được các nhà khoa học Thánh Kinh cho rằng được ghi chép bởi truyền thống Javít (J). Họ cho rằng đây là một trường phái thần học có lối văn kể chuyện thực tế, mô tả Thiên Chúa gần gũi với con người, dùng tên Chúa là Javê, v.v...

Tuy nhiên, chỉ trong một ‘trường phái’ mà đã xuất hiện nhiều ‘tiến trình thần học’. Ở đây chỉ chú ý vào một tiến trình: **mệnh lệnh của Thiên Chúa → Thiên Chúa ‘thay đổi’ mệnh lệnh của Ngài.**

-Câu 2,17: “... trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.”

Dựa vào bản văn thì đây là một mệnh lệnh rất rõ ràng, tương tự như một quân lệnh: “... ngày nào ... chắc chắn phải chết.”

Nếu ‘giáo dân’ chỉ ‘được dạy’ một thuộc tính ‘bất biến’ của Thiên Chúa, tách ra khỏi truyền thống Đức Tin và Giáo Huấn của Hội Thánh, nói rằng ‘**Thiên Chúa trước sau như một**’ thì ai cũng đoán được kết quả ngay tức khắc của việc bất tuân mệnh lệnh của Thiên Chúa.

Tuy nhiên, câu truyện loài người sa ngã thì ai cũng biết kết quả, người đàn bà và Adam không bị chết trong ngày họ ăn trái cấm, mà trong ngày đó Thiên Chúa quở trách con rắn, người đàn bà, và Adam, nhưng lại lập tức hứa ban ơn cứu độ: “... **Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.**”

Như vậy, có phải Thiên Chúa đã tự ‘thay đổi bản tính’ của Ngài để chuyển mệnh lệnh “... ngày nào ... chắc chắn phải chết” sang “... **Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra**” không?

Nếu đọc tiếp sách Sáng Thế Ký thì sẽ thấy kể tiếp rằng Adam sống đến 930 tuổi (St 5,5). Như vậy, ‘*giáo dân được dạy rằng Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian*’ là sai hay sao? Tất nhiên là không, vì Thiên Chúa hoàn hảo. Ngài luôn luôn có tất cả, kể cả những thuộc tính mà con người không biết và không thể nào hiểu thấu. Ngài không phải thay đổi bản tính từ một Thiên Chúa của mệnh lệnh nghiêm khắc sang một Thiên Chúa của lòng nhân từ tha thứ.

Vậy bản văn Thánh Kinh, hoặc ‘tiến trình thần học’ theo cách nói khoa học, khi thay đổi cách trình bày từ một Thiên Chúa của mệnh lệnh nghiêm khắc sang cách diễn tả một Thiên Chúa của lòng nhân từ tha thứ thì có mâu thuẫn nhau hay không?

Nếu câu trả lời là **CÓ**, vậy thì nên tin Thiên Chúa của mệnh lệnh hay là tin Thiên Chúa của lòng nhân từ ?

Nếu câu trả lời là **KHÔNG** thì rõ ràng câu ‘*Do tiến trình tiến hóa của thần học mà sinh ra mâu thuẫn*’ là sai.

3.Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một, không thể có cảnh loài người tự ý suy diễn dẫn đến tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Nói rằng “Lời Chúa là lời hằng sống” là hoàn toàn đúng. Kinh Thánh xác nhận:

1 Phêrô 1,23: “... bởi lời hằng sống và bền vững của Thiên Chúa.”

Tuy nhiên, từ chân lý này mà suy ra rằng mọi sự kiện liên quan đến Thiên Chúa phải hoàn toàn đồng nhất như chính Thiên Chúa là một bước nhảy logic sai lầm. Điều phát xuất từ Thiên Chúa không đồng nghĩa với việc “**những sự kiện liên quan đến Ngài**” cũng đồng nhất với Ngài.

-TRIẾT HỌC:

Trước tiên, không cần học triết ai cũng biết rằng ‘không có lửa làm sao có khói’, nhưng khói và lửa là hai thứ riêng biệt, không giống nhau, và không nhập nhằng với nhau được. Hoặc ánh sáng và mặt trời cũng không giống nhau, cùng lắm là ánh sáng có nóng, nhưng không thấm thía gì so với mặt trời, và chỉ cần có mây, hay chiều tà, là sẽ bớt sáng và bớt nóng.

Nếu có học chút triết bậc trung học trước năm 1975 thì sẽ thấy rằng cách lập luận ‘**Lời Ngài là lời hằng sống**’ và ‘**Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một**’ là lỗi căn bản trong triết học. Lỗi này xảy ra khi ta gán một thuộc tính thuộc về một loại thực tại cho một loại thực tại hoàn toàn khác.

Hai phạm trù ‘**Lời Chúa**’ và ‘**sự kiện liên quan đến Ngài**’ không giống nhau về bản chất, như lửa khác bản chất với khói, ánh sáng khác bản chất với mặt trời, nên không thể so sánh hay đồng nhất với nhau được. Thuật ngữ triết học ngày nay gọi là lỗi phạm trù (category error).

Trong câu ‘**Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một**’ thì:

“Thiên Chúa” là phạm trù bản thể (being / substance)

“sự kiện” là phạm trù biến cố (event / manifestation)

Hai phạm trù này khác nhau. Lập luận của ‘người giáo dân’ đã gán biến cố lịch sử với bản thể thần linh. Đó chính là lỗi phạm trù.

Ngoài logic học, lỗi này còn liên quan đến:

Siêu hình học (metaphysics): nhằm giữa bản thể và biểu hiện
Triết học ngôn ngữ: nhằm cách dùng khái niệm
Nhận thức luận: suy luận sai từ tiền đề đúng

-TÔN GIÁO:

Trong Kitô giáo, luôn có sự phân biệt giữa Thiên Chúa và hành động của Ngài trong lịch sử. Thiên Chúa là Đấng vô hạn, còn các biến cố mạc khải là những biểu lộ hữu hạn trong thời gian. Thánh Tôma Aquinô nhấn mạnh rằng Thiên Chúa vượt trên mọi biểu lộ lịch sử của Ngài (*Summa Theologiae* I, q.12, a.4). Vì thế, một sự kiện liên quan đến Thiên Chúa chỉ là phương tiện mạc khải, không phải chính bản thể Thiên Chúa.

Kinh Thánh cũng cho thấy rõ sự phân biệt này. Khi Thiên Chúa hiện ra với Môsê trong bụi gai cháy, bản văn viết: “Thiên Chúa gọi ông từ bụi gai” (Xh 3,4). Thiên Chúa hiện diện trong biến cố, nhưng Ngài không phải là bụi gai. Nếu đồng nhất biến cố với Thiên Chúa, thì bụi gai sẽ ‘bất biến’ như Thiên Chúa, điều này rõ ràng là sai.

Giáo lý Hội Thánh Công Giáo cũng nói về cách thế Thiên Chúa mạc khải chính mình dần dần cho con người: “... Ngài truyền đạt chính mình cho con người cách tiệm tiến, chuẩn bị họ từng bước để đón nhận mạc khải siêu nhiên, đạt tới tột đỉnh nơi Ngôi Lời nhập thể là Đức Giêsu Kitô.” Nghĩa là:

- Thiên Chúa không mạc khải tất cả một lần.
- Ngài **dạy dỗ từng giai đoạn** trong lịch sử cứu độ.
- Mạc khải đạt **đỉnh cao nơi Đức Giêsu Kitô**.

Như vậy, quá trình mạc khải tiến triển trong lịch sử nhân loại, chứ không ‘bất biến’ như Thiên Chúa. Nếu đồng nhất hai điều này, ta sẽ xoá bỏ sự khác biệt giữa Đấng mạc khải và phương tiện mạc khải.

Thông thường, một sự kiện luôn có giới hạn: có thời điểm bắt đầu, diễn ra trong không gian và kết thúc. Trong khi đó, Thiên Chúa là Đấng vô hạn, không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Vì vậy, một sự kiện hữu hạn (biến cố) không thể đồng nhất với Thiên Chúa vô hạn. Nếu đồng nhất, ta buộc phải chấp nhận rằng Thiên Chúa có khởi đầu và kết thúc, điều trái với niềm tin Kitô giáo.

Thánh Augustinô cũng phân biệt rõ: “Thiên Chúa không bị chứa đựng trong các dấu chỉ, nhưng dùng các dấu chỉ để bày tỏ Ngài” (*De Doctrina Christiana*). Các dấu chỉ, biến cố, hay lời nói chỉ là phương tiện biểu lộ, không phải chính Thiên Chúa.

Vì thế, khẳng định “Lời Chúa là lời hằng sống” không dẫn đến kết luận rằng mọi sự kiện liên quan đến Thiên Chúa phải ‘trước sau như một’ như Thiên Chúa. Các sự kiện ấy chỉ là phương tiện biểu lộ của Thiên Chúa trong lịch sử. Do đó, “sự kiện” không phải là Thiên Chúa, và không thể có thuộc tính ‘bất biến’ của Thiên Chúa.

Sai lầm này xuất phát từ việc chưa phân biệt giữa chiều kích thiêng liêng của mạc khải và hình thức lịch sử–nhân loại của bản văn Thánh Kinh. Khi hai bình diện này bị lẫn lộn, người đọc dễ nghĩ rằng mọi khác biệt đều là “suy diễn của loài người”, trong khi thực ra đó chính là đặc điểm nội tại của việc Thiên Chúa mạc khải qua con người.

Công đồng Vaticanô II nói rõ: “Thiên Chúa đã nói qua con người theo cách thức của loài người” (Dei Verbum, 12).

Giáo lý Hội Thánh Công Giáo nhấn mạnh rằng Thiên Chúa “đã dùng con người theo cách riêng của họ” để diễn tả mạc khải, nhưng chính Ngài vẫn là tác giả tối hậu (x. GLHTCG 105–106).

Vì thế, Lời Chúa “hằng sống” không chỉ vì được ghi lại trong văn bản, mà vì Lời ấy tiếp tục hoạt động trong lịch sử cứu độ và trong đời sống Hội Thánh.

Như vậy, về mặt tôn giáo, câu **‘Lời Ngài là lời hằng sống. Những sự kiện liên quan đến Ngài cũng phải trước sau như một’** là sự lẫn lộn giữa:

- **Phân thiêng liêng:** chân lý cứu độ của Thiên Chúa — luôn nhất quán.
- **Phân vật chất:** ngôn ngữ, cách kể, thứ tự sự kiện, góc nhìn nhân loại — có thể đa dạng.

Chính sự đa dạng này không làm suy yếu Lời Chúa, nhưng cho thấy Lời ấy đi vào lịch sử thật, qua những con người thật. Nếu mọi chi tiết hoàn toàn đồng nhất máy móc, bản văn lại mất tính nhân chứng và trở thành bản sao chép thuần túy.

Tóm lại, “Lời Chúa là lời hằng sống” vì chân lý cứu độ của Thiên Chúa bất biến. Nhưng từ đó suy ra mọi chi tiết lịch sử phải hoàn toàn giống nhau là không thực tế, vì điều đó đòi hỏi thời gian ngừng trôi và con người vượt khỏi giới hạn không gian–thời gian như Thiên Chúa — điều không thể xảy ra. Do đó cần phân biệt chân lý thiêng liêng bất biến với hình thức diễn đạt mang tính lịch sử đa dạng. Khi phân biệt rõ hai bình diện này, những khác biệt trong Thánh Kinh không còn là “suy diễn của loài người”, mà trở thành dấu chỉ của một mạc khải sống động được truyền đạt qua nhiều chứng từ trong lịch sử.

4.Thần học mà dựa vào suy diễn của từng thế hệ loài người thì đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?

Câu hỏi trên có thể được chia thành hai phần.

a.Thần học mà dựa vào suy diễn của từng thế hệ loài người

Chữ ‘thần học’ của các nhà khoa học dùng để mô tả quá trình hình thành bản văn Thánh Kinh là giả thuyết không rõ ràng. Chữ đó không nói lên tác giả đích thật của Thánh Kinh, mà chỉ dùng cho tác giả phàm nhân. Do đó, chữ “suy diễn” dễ bị hiểu theo nghĩa “tự sáng tác”, giống như viết tiểu thuyết hay tưởng tượng chủ quan, thì dĩ nhiên điều đó không thuộc phạm trù Thánh Kinh và cũng không thể là nền tảng của Đức Tin.

Giáo Hội tin rằng Thánh Kinh do Thiên Chúa mạc khải, và Ngài mới là tác giả đích thật. Nếu tin rằng **‘Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian. Lời Ngài là lời hằng sống’** thì chữ ‘suy diễn’ sẽ không phù hợp với Thiên Chúa.

Tuy nhiên, Thiên Chúa mặc khải trong lịch sử, và Ngài dùng chính các tác giả nhân loại với văn hóa, bối cảnh và cách diễn đạt riêng của họ. Thiên Chúa không ‘đọc chính tả’ cho các tác giả nhân loại chép, nên chữ ‘suy diễn’ nếu dùng với ý nghĩa tích cực của Logic Học (https://vi.wikipedia.org/wiki/Suy_di%E1%BB%85n_logic) thì có thể chấp nhận được. Nói một cách nôm na, các tác giả nhân loại **suy** niệm điều Thiên Chúa linh hứng, và **diễn** tả lại bằng ngôn ngữ, văn hóa đương thời để truyền đạt sứ điệp của Thiên Chúa cho nhân loại.

Vì thế, các bản văn Thánh Kinh mang dấu ấn của những thời đại khác nhau, nhưng vẫn là Lời Chúa được linh hứng.

b. Thì đáng chúng ta đặt hết niềm tin không?

Tất nhiên, theo suy nghĩ thông thường thì không ai sẽ đặt hết niềm tin vào các giả thuyết của khoa học, dù là khoa học Thánh Kinh, vì khoa học không đồng nghĩa với Đức Tin. Những ‘tiến trình thần học’ mà khoa học phân tích có thể bao gồm cả việc ghi nhận những lời nói sai lạc trong Thánh Kinh, chẳng hạn như lời của ma quỷ (xem https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%B7_h%E1%BB%8Dc), của người tội lỗi, hay những lập luận chưa trọn vẹn.

Đối với các tín hữu thì Thánh Kinh không tự tồn tại như một cuốn sách “từ trời rơi xuống”, nhưng là chứng từ đức tin được hình thành trong lòng dân Chúa và được Giáo Hội nhận biết, gìn giữ và công bố. Không ai tự mình có thể chắc chắn cuốn sách mình đang cầm trên tay là Thánh Kinh nếu không có sự xác nhận của Giáo Hội. Vì thế, Thánh Kinh luôn đi cùng với Truyền Thống và Huấn Quyền. Ba yếu tố này liên kết chặt chẽ với nhau trong việc chuyển đạt mặc khải.

Do đó, người tín hữu đặt hết niềm tin vào chính Thiên Chúa đang mặc khải qua Thánh Kinh, được hiểu trong Truyền Thống sống động của Giáo Hội và được Huấn Quyền xác nhận. Nói cách khác, đức tin của Kitô hữu dựa trên Lời Chúa được trao phó cho Giáo Hội, và được Giáo Hội trung thành gìn giữ và giải thích.

Cần nói thêm rằng khi nói “tín hữu chỉ tin những gì Giáo Hội tin”, đặc biệt phải hiểu đúng vai trò của Huấn Quyền, và trong Huấn Quyền có một hình thức đặc biệt gọi là ‘ex cathedra’ (nghĩa là “từ ngai tòa”). Đây là những tuyên bố long trọng của Đức Giáo Hoàng khi ngài, với tư cách là mục tử tối cao của toàn thể Giáo Hội, chính thức định tín một vấn đề liên quan đến đức tin hoặc luân lý để toàn thể Hội Thánh phải tin.

Theo giáo huấn Công Giáo (Công đồng Vatican I, hiến chế *Pastor Aeternus*), trong những trường hợp như vậy, Đức Giáo Hoàng được hưởng đặc ân bất khả ngộ, không phải do cá nhân ngài hoàn hảo, nhưng vì Chúa Thánh Thần gìn giữ Giáo Hội khỏi sai lầm khi công bố chân lý cứu độ. Khi Huấn Quyền long trọng tuyên bố ex cathedra, thì đó là chân lý thuộc kho tàng đức tin mà tín hữu được mời gọi tin cách chắc chắn.

Tuy nhiên cũng cần phân biệt: không phải mọi phát biểu của Đức Giáo Hoàng đều là ex cathedra. Phần lớn các bài giảng, thông điệp hay nhận định mục vụ thuộc Huấn Quyền thông thường, vẫn đòi sự vâng phục tôn giáo của trí khôn và ý chí, nhưng không mang tính định tín bất khả ngộ theo nghĩa chặt. Những tuyên bố ex cathedra

trong lịch sử rất hiếm, thường được nêu như: tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội (1854) và Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời (1950).

Vì thế, khi bàn về Thánh Kinh, lập trường Công Giáo là:

- Nội dung Đức Tin không tùy thuộc vào giải thích cá nhân, mà là của cả Giáo Hội.
- Và khi Giáo Hội, đặc biệt qua Huấn Quyền long trọng (như ex cathedra), xác nhận một chân lý, thì đó là nền tảng chắc chắn để tín hữu đặt niềm tin.

KẾT LUẬN:

Người ‘giáo dân khao khát chân lý’ thật ra đã có câu trả lời trong chính câu hỏi của mình: **‘Thiên Chúa trước sau như một. Ngài không biến đổi theo thời gian hay không gian. Lời Ngài là lời hằng sống’**. Chỉ cần tin và làm theo những lời này thì đã tốt lắm rồi.

Tuy nhiên, không hiểu tại sao một người biết lý luận, được học những thuộc tính cao siêu của Thiên Chúa hơn nhiều người khác, lại không nhận ra rằng ‘Những sự kiện liên quan đến Ngài’, tức là không phải Thiên Chúa, mà chỉ ‘liên quan’, nghĩa là những điều loài người hữu hạn chép về Ngài, thì không thể nào ‘trước sau như một’ như Thiên Chúa được ?

Nếu người này chỉ cần đọc một chút giáo lý, tài liệu của Giáo Hội, hay Thánh Kinh, ví dụ như thư thứ nhất của thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô (13,11–12) thì sẽ thấy:

“Khi tôi còn là trẻ con, tôi nói như trẻ con, hiểu như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, tôi bỏ đi những gì thuộc về trẻ con. Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi.”

Ý câu này khá rõ ràng:

- hiện tại hiểu biết của con người còn **giới hạn**
- mặc khải được hiểu **từng phần trong lịch sử**
- sự viên mãn chỉ có khi “mặt giáp mặt” với Thiên Chúa.

Tất nhiên, chỉ có người ‘giáo dân khao khát chân lý’ mới biết tại sao mình không hiểu. Tuy nhiên nhìn vào lịch sử nhân loại thì trường hợp này không phải hiếm.

Truyện dân gian ‘con ếch’ (những sự kiện liên quan) muốn to bằng con bò khá thâm thúy.

Thánh Kinh cũng nói về tội ‘muốn bằng Thiên Chúa’: Tội nguyên tổ St 3:1–6; tháp Babel St 11,1-9.

Ước muốn về một hình ảnh hoàn toàn đồng nhất — không có khác biệt trong mọi cách diễn đạt về Thiên Chúa — thật ra lại gần với ảo tưởng mà Cựu Ước nhiều lần cảnh

báo nơi những kẻ thờ ngẫu tượng. Họ muốn nắm bắt và đóng khung Thiên Chúa vào một hình dạng cố định do con người kiểm soát (Xh 20,4).

Hy vọng mọi người biết hai đoạn Thánh Kinh về tượng bò vàng (Xh 32,1-20) và con rắn đồng (Ds 21,4-9):

Bò vàng là tượng trưng cho ao ước của con người rằng những sự kiện hữu hạn cũng có những thuộc tính của Thiên Chúa vô hạn. Họ đã dùng tất cả vòng vàng quý giá của mình để đúc một tượng bò và tuyên bố “Đây là thần của người” (Xh 32:4). Họ gán cho vật do tay mình làm ra những thuộc tính của Thiên Chúa nên biến nó thành ngẫu tượng.

Con rắn đồng được dựng theo lệnh Thiên Chúa như dấu chỉ để ai nhìn lên thì được sống (Ds 21,8–9), nhưng khi về sau khi dân chúng đốt hương thờ nó, vua Khítigia (Hezekiah) đã phá hủy và gọi đó chỉ là “một miếng đồng” (2 V 18,4).

Con người chúng ta được chính Chúa tạo thành giống hình ảnh Ngài (St 1,27) mà tình trạng ‘trống đánh xuôi kèn thổi ngược’ còn diễn ra thường xuyên thì hướng hồ gì là những ‘tiến trình’ do con người tạo ra.

Vì thế, ước muốn về sự đồng nhất tuyệt đối, ‘trước sau như một’ của những sự kiện liên quan đến Thiên Chúa chỉ cách việc thờ ngẫu tượng có một bước. Chúng ta hãy tạ ơn Chúa vì chính thực tại của những khác biệt và phát triển trong cách diễn tả của bản văn, hay gọi là ‘tiến trình thần học’ theo các nhà khoa học, đã ngăn ước muốn ấy biến thành tội thờ ngẫu tượng. Điều này cũng nhắc mọi người rằng Thiên Chúa bất biến và vượt trên mọi hình ảnh hữu hạn hay công thức diễn tả mà phạm nhân tìm cách cố định hóa.

SUY NIỆM: Gioan 4,20-24

²⁰Cha ông chúng tôi đã thờ phượng trên núi này, còn các ông lại bảo phải thờ phượng ở Giêrusalem”. ²¹Chúa Giêsu nói: “Này chị, hãy tin Tôi: vì đến giờ, người ta sẽ thờ phượng Cha không phải ở trên núi này, cũng không phải ở Giêrusalem. ²²Các người thờ phượng điều các người không biết; còn chúng tôi biết điều chúng tôi thờ phượng, vì Ông Cứu Độ đến từ người Do Thái. ²³Nhưng sẽ đến giờ, và chính là giờ này, khi những người thờ phượng chân chính sẽ thờ phượng Cha trong Thần Khí và chân lý; đó là những người thờ phượng mà Cha hằng tìm kiếm. ²⁴Thiên Chúa là Thần Khí, và những ai thờ phượng Cha thì phải thờ phượng trong Thần Khí và chân lý”.

PHỤ LỤC:

Truyện bác Ba trà đá

Một buổi chiều, sau giờ giảng, khi mọi người đã ra về hết, bác Ba bán trà đá được rảnh tay, đứng lách ló ngoài sân nhà thờ. Thấy nhà giảng thuyết đang xếp sách, bác gãi đầu hỏi:

“Thưa thầy, con có hai điều thắc mắc hoài. Một là, nếu Thánh Kinh là Lời Chúa thật, sao Chúa không giữ lại bản gốc cho chắc ăn? Để ngày nay mấy ông học giả khỏi cãi

nhau chữ này chữ kia. Hai là, sao Chúa Giêsu với các Tông Đồ không ngồi xuống viết Phúc Âm liền? Viết sớm thì tụi con có tài liệu trung thực khỏi nghi ngờ.”

Nhà giảng thuyết cười, kéo ghế mời bác Ba ngồi. Gió thổi lật mấy trang sách, nghe xào xạc như ai đang thì thầm.

“Bác Ba à,” ông nói, “tôi kể bác nghe chuyện này. Giả sử ngày xưa, Môsê không chỉ đem Mười Điều Răn, mà còn giữ luôn tảng đá gốc nguyên xi, còn nguyên dấu tay của Chúa. Tảng đá đó được truyền lại đến bây giờ. Bác nghĩ người ta sẽ làm gì?”

Bác Ba nhún vai: “Thì... đem trưng bày chứ sao.”

“Không đâu,” nhà giảng thuyết lắc đầu, “người ta sẽ xây cái đền to đùng, xếp hàng mua vé vào coi. Có người còn xin cạo chút bụi đá về làm bùa. Rồi cãi nhau: ‘Ai giữ tảng đá mới là hội thánh thật.’ Cuối cùng, người ta quỳ trước cục đá, chứ không còn nghe lời Đấng đã phán.”

Bác Ba bật cười: “Ờ... nghe cũng giống người ta thiệt.”

Nhà giảng thuyết tiếp: “Còn nếu chính tay Chúa Giêsu viết Phúc Âm, ký tên dưới cùng, mực còn nguyên... Bác tưởng tượng xem. Mảnh da hay tờ giấy đó sẽ được đặt trong tủ kính, có lính canh ngày đêm. Người ta đi hành hương để... nhìn chữ viết tay. Rồi lại tranh cãi: ‘Ai giữ bản gốc mới đúng.’ Có khi người ta thờ luôn mảnh da dê, miếng giấy, cây bút... mà quên mất Đấng đã nói những lời ấy.”

Bác Ba chống cằm suy nghĩ.

“Chưa hết,” nhà giảng thuyết nói, “nếu các Tông Đồ ngồi viết ngay, ghi hết từng câu từng chữ, thì người ta sẽ bảo: ‘Chuyện xong rồi, sách có đủ rồi, khỏi cần nghe ai nữa.’ Lúc đó, chúng nhân sống để làm gì? Ai kể lại chuyện Chúa đời mình? Ai đem Tin Mừng tới vùng chưa ai nghe? Lịch sử cứu độ sẽ bị đóng khung trong quá khứ, như cái hình treo tường: nhìn thì đẹp, nhưng không còn thở.”

Bác Ba gật gù: “Còn Đức Chúa Thánh Thần?”

Nhà giảng thuyết cười lớn: “À, nếu mọi thứ đã đóng gói sẵn, rõ ràng như bánh hướng dẫn sử dụng, thì Ngài... thất nghiệp! Không cần soi sáng, không cần nhắc nhở, không cần hướng dẫn Hội Thánh sống động. Người ta chỉ cần cầm bản gốc, đọc như đọc toa thuốc.”

Gió chiều thổi qua, mấy đứa nhỏ chạy ngang sân, cười rộ.

Nhà giảng thuyết nói nhỏ: “Chúa không để lại bản gốc, không viết sách ngay, vì Ngài muốn Lời Ngài sống trong lòng người, chứ không bị nhốt trong bảo tàng. Ngài muốn có chứng nhân, có ký ức sống, có cộng đoàn kể lại, cầu nguyện, hiểu dần. Lời Chúa không phải đồ cổ để trưng, mà là hạt giống để gieo.”

Bác Ba đứng dậy, phẩy quần: “Con hiểu rồi. Chúa không để lại tảng đá để mình thờ đá. Chúa để lại con người, để mình gặp nhau mà thờ Chúa.”

Nhà giảng thuyết mỉm cười. Trời sấm tối. Chuông nhà thờ vang lên, như nhắc rằng Lời ấy vẫn còn đang được nói, ngay bây giờ.



Chú thích: Tranh hí họa cảnh Môsê lo lắng đổ mồ hôi hột vì quá giận mất khôn, đập vỡ hai tấm bia Giao Ước (Xh 32,19). Chúng là công trình của Thiên Chúa (Xh 32,14-15), bây giờ biết làm sao truyền đạt lề luật Chúa cho dân ? Ông ngồi xếp đá lại, hy vọng dân Chúa hiểu được phần nào Giao Ước mà Chúa ký kết với dân Ngài.

Trong thực tế, Chúa bảo Môsê làm hai phiến đá khác và để trong Hòm Bia Giao Ước. Thánh Kinh nhắc đến Hòm Bia lần cuối cùng có lẽ trong 2 Sb 35,3 và sau đó không có thêm thông tin gì khác. Sách 2 Macabê, không thuộc quy điển Do Thái, có nhắc đến một tài liệu nói rằng Hòm Bia được đem đi giấu ở núi Nebo (2,4-8). Ngày nay có nhiều giả thuyết, không biết thực hư thế nào.

Lm JOHN MINH